

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI  
NĂM 2019**

*Quyết toán đã được HĐND phê chuẩn tại Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 09/12/2020*

*(Kèm theo Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 11/01/2020 của UBND tỉnh Hà Giang)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện (xã)		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện (xã)	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>12.256.975</b>	<b>5.015.839</b>	<b>7.241.136</b>	<b>15.235.062</b>	<b>6.942.730</b>	<b>8.292.332</b>	<b>124%</b>	<b>138%</b>	<b>115%</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>9.363.058</b>	<b>3.318.666</b>	<b>6.044.392</b>	<b>10.805.480</b>	<b>4.169.085</b>	<b>6.636.395</b>	<b>115%</b>	<b>126%</b>	<b>110%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>950.670</b>	<b>727.120</b>	<b>223.550</b>	<b>2.963.530</b>	<b>2.113.720</b>	<b>849.811</b>	<b>312%</b>	<b>291%</b>	<b>380%</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	950.670	727.120	223.550	2.952.238	2.102.428	849.811	311%	289%	380%
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>									
-	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	0			770.106	509.529	260.577			
-	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	0			6.953	6.953	0			
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>									
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	224.000	79.650	144.350	113.817		113.817			
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	21.000	1.800	19.200	17.006	2.757	14.249			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0			8.292	8.292				

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện (xã)		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện (xã)	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện
3	Chi đầu tư phát triển khác	0			3.000	3.000				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>8.157.258</b>	<b>2.499.074</b>	<b>5.658.184</b>	<b>7.818.193</b>	<b>2.041.159</b>	<b>5.777.034</b>	<b>96%</b>	<b>82%</b>	<b>102%</b>
	<i>Trong đó:</i>									
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.901.630	485.911	3.415.719	4.139.093	449.304	3.689.789	106%	92%	108%
2	Chi khoa học và công nghệ	29.060	27.410	1.650	20.608	18.597	2.010	71%	68%	122%
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>900</b>	<b>900</b>		<b>225</b>	<b>225</b>				
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.200</b>	<b>1.200</b>		<b>1.200</b>	<b>1.200</b>				
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>184.130</b>	<b>66.472</b>	<b>117.658</b>	<b>0</b>					
<b>VI</b>	<b>Chi từ nguồn thu huy động đóng góp</b>	<b>55.000</b>	<b>10.000</b>	<b>45.000</b>	<b>0</b>					
<b>VI</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>	<b>0</b>			<b>22.331</b>	<b>12.781</b>	<b>9.551</b>			
<b>VII</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	<b>13.900</b>	<b>13.900</b>		<b>0</b>					
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	<b>2.893.917</b>	<b>1.697.173</b>	<b>1.196.744</b>	<b>3.056.322</b>	<b>1.644.392</b>	<b>1.411.930</b>	<b>106%</b>	<b>97%</b>	<b>118%</b>
<b>I</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>1.149.720</b>	<b>344.145</b>	<b>805.575</b>	<b>994.162</b>	<b>310.770</b>	<b>683.392</b>	<b>86%</b>	<b>90%</b>	<b>85%</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo	736.820	304.823	431.997	621.614	272.082	349.533	84%	89%	81%
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xd nông thôn mới	412.900	39.322	373.579	372.548	38.688	333.860	90%	98%	89%
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>	<b>1.744.197</b>	<b>1.353.028</b>	<b>391.169</b>	<b>2.062.160</b>	<b>1.333.622</b>	<b>728.538</b>	<b>118%</b>	<b>99%</b>	<b>186%</b>
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>				<b>1.373.260</b>	<b>1.129.253</b>	<b>244.007</b>			

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện (xã)		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện (xã)	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện